TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
1	Dương Thị Hoàng	An	21122474	15/08/2003	7.50	6.50	7.00	x
2	Trần Ngọc	Ẩn	22125005	31/03/2004	3.90	1.50	2.70	
3	Nguyễn Thúy	An	20125001	09/05/2002	6.30	8.00	7.20	x
4	Nông Thị Thúy	An	22124003	18/09/2004	8.50	9.00	8.80	x
5	Phan Công Thái	An	21112009	20/03/2003	5.20	5.50	5.40	x
6	Trần Phước	An	22124004	04/03/2004	4.70	1.00	2.90	
7	Trà Ngọc Phương	An	19126243	04/10/2001	5.70	5.90	5.80	x
8	Lê Tuấn	Anh	21114017	07/08/2003	2.30	0.00	1.20	
9	Nguyễn Ngọc	Anh	22111008	22/03/2004	6.30	3.00	4.70	
10	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	22129009	31/05/2004	4.00	0.00	2.00	
11	Nguyễn Thị Kim	Anh	21122480	11/03/2003	7.00	9.00	8.00	x
12	Đỗ Thị Phương	Anh	21155058	06/01/2003	4.60	0.00	2.30	
13	Trần Tuấn	Anh	21113145	20/06/2003	8.00	8.80	8.40	x
14	Hồ Thị Bảo	Ái	20123108	10/12/2002	4.90	4.80	4.90	
15	Lê Thanh	Ái	20126178	09/07/2002	3.70	0.00	1.90	
16	Nguyễn Thị	Ánh	21123009	27/11/2002	5.30	5.50	5.40	x
17	Trần Nhật	Ánh	21112386	07/12/2003	5.40	6.50	6.00	x
18	Trần Thị Ngọc	Ánh	22126015	01/03/2004	6.20	7.00	6.60	x
19	Nguyễn Tiểu	Bang	16138003	12/10/1998	5.30	5.00	5.20	x
20	Võ Lê	Bách	20122248	17/10/2002	4.00	0.00	2.00	
21	Khưu Lý Gia	Bảo	22129017	27/05/2004	3.90	4.00	4.00	
22	Lê Nguyễn Gia	Bảo	20124268	26/03/2002	3.60	1.50	2.60	
23	Nguyễn Nghiêm Gia	Bảo	21124300	07/11/2002	5.80	2.50	4.20	
24	Nguyễn Trần Nhật	Bảo	20154086	23/01/2002	2.80	1.00	1.90	
25	Đỗ Trọng	Bảo	19115007	10/03/2001	4.00	0.00	2.00	
26	Nguyễn Bùi Thái	Bình	20121015	26/10/2002	5.40	3.00	4.20	
27	Đinh Gia	Cao	20120169	26/11/2002	3.30	2.50	2.90	
28	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	21155065	13/01/2003	3.70	0.40	2.10	
29	Nguyễn Thị Kiều	Châu	20111174	29/03/2002	5.00	5.50	5.30	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
30	Trần Ngọc Hồng	Châu	22129023	28/09/2004	7.50	8.50	8.00	x
31	Mai Thị Kim	Chi	21125043	26/11/2003	3.10	6.90	5.00	
32	Trần Hữu	Chí	18153006	18/01/2000	4.70	4.00	4.40	
33	Vương Quốc Viết	Chí	17153010	08/01/1993	5.40	5.00	5.20	x
34	Nguyễn Quốc Huy	Chương	20124273	17/02/2002	5.90	4.00	5.00	
35	Quách Thanh	Chúc	22129025	10/01/2004	7.30	2.50	4.90	
36	Phạm Thành	Công	21126294	10/12/2003	5.00	2.00	3.50	
37	Nguyễn Hoàng	Cương	20116178	21/06/2002	3.80	0.00	1.90	
38	Chiêm Gia	Cường	22154010	08/10/2004	7.20	7.40	7.30	x
39	Lê Tuấn	Cường	21115126	13/01/2003	3.80	1.00	2.40	
40	Nguyễn Quốc	Cường	21118190	26/06/2003	3.10	5.00	4.10	
41	Trần Mạnh	Cường	21139245	27/09/2003	8.60	6.00	7.30	x
42	Lường Thị Kim	Cúc	21155067	08/05/2002	4.30	0.00	2.20	
43	Nguyễn Thanh	Cúc	21115125	16/01/2003	4.80	0.00	2.40	
44	Phan Xuân	Danh	21124314	01/01/2003	3.50	0.00	1.80	
45	Trần Thị Thuý	Diễm	20120172	14/04/2002	3.80	0.00	1.90	
46	Trương Thị	Diễm	22129033	24/04/2004	8.00	5.00	6.50	x
47	Nguyễn Anh	Diệp	22124029	18/09/2004	8.40	6.00	7.20	x
48	Phạm Thị Thanh	Diệu	22124030	22/02/2004	8.60	7.50	8.10	x
49	Trần Quang	Diệu	20113223	29/09/2002	6.60	8.50	7.60	x
50	Võ Bình	Dương	17124025	08/07/1999	5.10	1.50	3.30	
51	Lâm Phương	Du	21128220	18/08/2003	5.10	7.80	6.50	x
52	Trần Thanh	Duệ	20139194	07/08/2002	5.00	5.00	5.00	x
53	Mai Thị Thùy	Dung	22120028	01/09/2004	4.10	2.50	3.30	
54	Đinh Thị Phương	Dung	22115012	23/01/2004	6.50	3.40	5.00	
55	Huỳnh Quốc	Dũng	19118043	10/06/2001	5.70	5.50	5.60	x
56	Trần Anh	Dũng	20113229	19/11/2002	5.50	5.00	5.30	x
57	Trương Tấn	Dũng	21154154	30/01/2003	4.90	1.50	3.20	
58	Lê Hoàng Đức	Duy	20154113	02/01/2002	4.20	0.00	2.10	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
59	Nguyễn Phương	Duy	20153073	10/10/2002	8.20	8.00	8.10	x
60	Nguyễn Thành	Duy	20154115	20/04/2002	3.10	0.00	1.60	
61	Đỗ Quốc	Duy	18138020	28/08/2000	4.60	0.00	2.30	
62	Vỏ Thị Thảo	Duy	21112050	10/03/2003	5.50	3.00	4.30	
63	Lê Thị Mỹ	Duyên	19131007	15/06/2001	3.80	1.50	2.70	
64	Lê Thị Mỹ	Duyên	22155023	29/08/2004	6.90	7.50	7.20	x
65	Nguyễn Phan Kỳ	Duyên	20128170	19/01/2002	5.20	6.00	5.60	x
66	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	21126316	15/03/2003	4.20	2.50	3.40	
67	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	19122036	01/09/2001	5.20	1.00	3.10	
68	Trần Thị Mỹ	Duyên	20116160	08/12/2002	6.40	6.00	6.20	x
69	Nguyễn Điệu Tân Gô	Em	22122062	16/06/2004	6.40	9.00	7.70	x
70	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	21149139	22/05/2003	6.20	7.50	6.90	x
71	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	19111027	16/08/2001	4.60	1.50	3.10	
72	Bùi Đặng Hương	Giang	20124294	10/05/2002	4.30	4.00	4.20	
73	NGÔ KHÁNH	GIANG	23135010	02/06/2005	3.60	0.40	2.00	
74	Ngô Thy	Giang	18127015	16/12/2000	4.00	4.00	4.00	
75	Nguyễn Hoàng	Giang	22112079	07/01/2004	9.10	9.50	9.30	x
76	Nguyễn Thi Ngân	Giang	21149141	11/12/2003	7.20	6.00	6.60	x
77	Phạm Thị Thu	Giang	21139274	20/10/2003	6.60	5.00	5.80	x
78	Nguyễn Trần Huỳnh	Giao	21133088	07/05/2003	5.40	7.90	6.70	x
79	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	19113040	19/02/2001	2.10	3.50	2.80	
80	Lê Thị Ngọc	Hân	22129064	11/11/2004	7.30	7.00	7.20	x
81	Phạm Mai	Hân	22113022	09/04/2004	6.80	2.00	4.40	
82	Trần Thái Thị Ngọc	Hân	20113239	04/12/2002	7.00	5.00	6.00	x
83	Lương Tuyết	Hằng	22112090	05/01/2004	6.40	2.00	4.20	
84	Nguyễn Lê Thanh	Hằng	22135035	23/07/2004	6.20	3.80	5.00	
85	Nguyễn Thanh	Hằng	18139046	25/01/2000	5.90	3.30	4.60	
86	Trần Ngọc	Hằng	22129069	20/02/2004	3.50	1.00	2.30	
87	Trần Nguyệt Thu	Hằng	20125395	02/09/2002	4.60	5.10	4.90	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
88	Nguyễn Thị Ngọc	Hạ	20122304	18/04/2002	4.50	4.00	4.30	
89	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	21122087	12/09/2003	3.90	0.90	2.40	
90	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	21122545	20/12/2003	8.10	9.00	8.60	x
91	Trương Thị Hồng	Hạnh	22129074	02/08/2004	7.30	8.00	7.70	x
92	Võ Thị Bé	Hạnh	20122625	12/04/2002	3.10	0.00	1.60	
93	Nguyễn Minh	Hà	21126045	15/05/2003	7.40	8.50	8.00	x
94	Nguyễn Thị	Hà	21126320	20/12/2003	6.90	6.50	6.70	x
95	Nguyễn Thị Thu	Hà	20112221	01/02/2002	5.00	5.00	5.00	x
96	Trượng Nữ Thu	Hà	20123012	08/09/2002	5.70	2.40	4.10	
97	Ngô Nhứt	Hàng	20149154	15/05/2001	6.30	5.00	5.70	x
98	Đặng Trí	Hào	22112091	04/02/2004	6.20	8.00	7.10	x
99	Vũ Anh	Hào	20154122	14/09/2002	6.40	3.00	4.70	
100	Lê	Hải	19149020	22/05/2001	5.40	5.50	5.50	x
101	Nguyễn Ngọc	Hải	22124053	22/05/2004	8.50	10.00	9.30	x
102	Nguyễn Ngọc Hảo	Hảo	20155096	02/11/2002	6.20	5.80	6.00	x
103	Trần Phước	Hên	20126243	14/05/2002	5.30	5.50	5.40	x
104	Lê Ngọc	Hiền	20139211	10/11/2002	5.20	3.50	4.40	
105	Nguyễn Kim	Hiền	21139286	19/12/2003	5.10	4.00	4.60	
106	Phạm Thu	Hiền	22135038	25/03/2004	7.20	5.00	6.10	x
107	Võ Thị Bé	Hiền	20117078	25/01/2002	7.20	5.00	6.10	x
108	VŨ THỊ THU	HIỀN	23123028	19/07/2005	6.60	3.50	5.10	
109	Hoàng Ngọc	Hiếu	17113057	01/01/1999	5.50	5.00	5.30	x
110	Huỳnh Ngọc	Hiếu	19112063	11/04/2001	5.70	10.00	7.90	x
111	Nguyễn Chí	Hiếu	20153075	16/08/2002	7.70	10.00	8.90	x
112	Nguyễn Huỳnh Minh	Hiếu	22127009	09/07/2004	3.30	2.50	2.90	
113	Phạm Quang	Hiếu	19154046	23/05/2001	6.60	6.50	6.60	x
114	Quách Xuân	Hiếu	21138116	01/06/2003	3.50	3.00	3.30	
115	Trần Trung	Hiếu	20118164	23/01/2002	6.60	1.80	4.20	
116	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	21120387	17/09/2003	5.20	5.50	5.40	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
117	Trương Việt	Hoa	20125414	10/09/2002	5.50	7.30	6.40	x
118	Nguyễn Ngọc Như	Hồng	21122560	26/02/2003	7.20	6.80	7.00	x
119	Phạm Thị Thu	Hoà	20120192	20/06/2002	4.90	0.00	2.50	
120	Huỳnh Vũ	Hoài	20154131	17/07/2002	4.80	9.50	7.20	
121	Trần Văn	Hoài	18138028	06/09/2000	4.70	3.50	4.10	
122	Lý Minh	Hoàng	16138035	27/09/1998	5.70	2.50	4.10	
123	Nguyễn Trần Nhật	Hoàng	22153044	29/09/2004	6.60	5.50	6.10	x
124	Đoàn Huy	Hoàng	20153080	28/09/2002	5.30	6.00	5.70	x
125	Phạm Minh	Hoàng	17115041	15/03/1999	7.80	8.50	8.20	x
126	Vương Quang Minh	Hoàng	22126062	20/03/2004	8.40	5.00	6.70	x
127	Trần Tiến	Hưng	21118253	14/03/2003	4.90	4.00	4.50	
128	Trần Vũ	Hưng	21137081	20/08/2003	3.10	5.00	4.10	
129	BÙI KHÁNH	HÒA	23157022	19/11/2005	5.50	5.50	5.50	x
130	Hứa Minh	Hòa	21118237	07/11/2003	3.10	5.50	4.30	
131	Đinh Khánh	Hòa	21112452	22/04/2003	2.80	1.90	2.40	
132	Trần Thị Tiểu	Hòa	18155030	02/05/2000	4.60	0.00	2.30	
133	Dư Quế	Hương	22124073	17/09/2004	7.80	7.00	7.40	x
134	Đặng Hữu Hồng	Hương	22163008	04/06/2004	7.10	5.50	6.30	x
135	Nguyễn Hà Thu	Hương	19120073	02/06/2001	6.10	5.30	5.70	x
136	Trần Hồ Xuân	Hương	22129095	22/01/2004	5.10	7.80	6.50	x
137	Trịnh Ngọc	Hưởng	22123047	11/07/2004	5.80	5.50	5.70	x
138	Trần Lữ	Hùng	21114030	02/10/2003	5.00	6.50	5.80	x
139	Khuất Hoàng Đức	Huy	20164020	09/09/2002	3.70	5.30	4.50	
140	Lê Hoàng	Huy	21153026	18/03/2003	4.80	2.50	3.70	
141	Lưu Quốc	Huy	21155100	10/10/2003	3.80	0.00	1.90	
142	Lý Triệu	Huy	21118256	29/10/2003	5.10	6.50	5.80	x
143	Ngô Gia	Huy	21122570	30/06/2003	4.80	3.40	4.10	
144	Nguyễn Chánh	Huy	21118257	13/02/2003	4.60	0.00	2.30	
145	Nguyễn Hoàng Minh	Huy	20113255	17/04/2002	2.90	0.00	1.50	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
146	NGUYỄN HOÀNG THANH	HUY	23124080	21/01/2005	6.80	6.00	6.40	x
147	Nguyễn Mậu	Huy	19113192	2001	5.80	6.00	5.90	x
148	Nguyễn Đức	Huy	22138038	23/02/2004	4.40	0.00	2.20	
149	Nguyễn Quốc	Huy	22124078	02/11/2004	5.70	7.40	6.60	x
150	Phan Nhựt	Huy	21113198	21/06/2003	2.10	0.00	1.10	
151	Trần Hoàng	Huy	20112246	15/03/2002	4.90	6.50	5.70	
152	VÕ GIA	HUY	23111061	12/11/2005	5.20	7.00	6.10	x
153	Võ Nhật	Huy	22153049	17/10/2004	7.00	2.50	4.80	
154	Nguyễn Mai	Huyền	19128059	28/10/2000	4.30	2.00	3.20	
155	Nguyễn Thị Mộng	Huyền	20126263	06/02/2002	3.80	4.00	3.90	
156	Điểu Thị	Huyền	21124374	17/03/2001	4.30	2.50	3.40	
157	Lâm Thị Ngọc	Huỳnh	22124084	11/10/2004	7.60	7.50	7.60	x
158	NGUYỄN NGỌC NGÂN	HUỲNH	23139025	05/05/2005	5.90	4.00	5.00	
159	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	22112132	23/08/2004	7.80	8.00	7.90	x
160	Đỗ Thị Như	Huỳnh	22124083	29/08/2004	5.60	5.00	5.30	x
161	Trương Minh	Kha	20113061	28/01/2002	7.50	5.00	6.30	x
162	Lý Văn	Khang	21120090	05/10/2003	4.70	7.90	6.30	
163	Nguyễn Duy	Khang	19125131	21/02/2001	8.30	10.00	9.20	x
164	Nguyễn Kì Gia	Khang	19125132	26/12/2001	3.50	6.00	4.80	
165	Phan Văn	Khang	19154070	15/01/2001	2.70	0.00	1.40	
166	Nguyễn Tuấn	Khanh	22112135	01/02/2004	6.30	5.00	5.70	x
167	Lê Nguyên	Khải	21124378	22/07/2003	5.90	1.50	3.70	
168	Lê Duy	Khánh	19117033	19/09/2001	4.10	0.00	2.10	
169	Trần Gia	Khánh	22112139	26/04/2004	7.80	8.50	8.20	x
170	Trần Ngọc	Khiêm	20128192	19/04/2002	3.70	0.00	1.90	
171	Lê Nguyễn Minh	Khoa	20124343	29/11/2002	7.70	5.00	6.40	x
172	Đặng Đăng	Khoa	20113258	18/08/2002	5.40	3.00	4.20	
173	Nguyễn Anh Hoàng	Khoa	20138095	17/06/2002	5.80	1.50	3.70	
174	Nguyễn Em Hoàng	Khoa	20153092	17/06/2002	4.70	0.40	2.60	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
175	Nguyễn Thanh	Khoa	22112143	11/03/2004	8.00	7.40	7.70	x
176	Phạm Việt	Khoa	21129705	16/11/2002	9.00	7.00	8.00	x
177	Trần Đăng	Khoa	21155106	05/01/2003	5.80	4.00	4.90	
178	Trần Việt	Khoa	18153036	22/01/1999	3.80	0.00	1.90	
179	TRƯƠNG THỊ KIM	KHOA	23126084	15/08/2005	7.00	5.50	6.30	x
180	Dương	Khôi	21124383	15/01/2003	6.20	5.00	5.60	x
181	Lê Hoàng	Khôi	21137091	07/05/2003	5.00	4.00	4.50	
182	Nguyễn Hữu Duy	Khôi	22122143	18/05/2004	5.60	0.50	3.10	
183	Nguyễn Huỳnh Anh	Khôi	21149174	30/12/2003	7.80	5.00	6.40	x
184	Võ Minh	Khôi	22113034	16/09/2004	5.30	8.00	6.70	x
185	Phạm Đăng	Khương	21124384	28/11/2003	6.70	2.50	4.60	
186	TRẦN VĂN	KHỞI	23115026	08/03/2005	4.00	0.00	2.00	
187	Nguyễn Gia	Kiên	20139235	30/09/2002	8.50	4.00	6.30	
188	Đào Duy	Kiệt	21118281	04/01/2003	4.30	0.00	2.20	
189	Nguyễn Tuấn	Kiệt	21118282	30/08/2003	5.70	5.90	5.80	x
190	Trần Anh	Kiệt	19153036	06/09/2001	4.80	7.00	5.90	
191	Trần Anh	Kiệt	21133096	09/11/2003	3.40	3.00	3.20	
192	Võ Châu	Kiệt	21155108	06/11/2003	5.90	1.50	3.70	
193	Võ Duy	Kính	19155037	08/07/2001	5.10	0.90	3.00	
194	Hồ Thị Mỹ	Kỳ	21120102	02/01/2003	3.40	0.00	1.70	
195	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	LÂM	23138048	31/05/2005	1.80	0.00	0.90	
196	Bùi Tuyết	Lan	22157028	25/02/2004	3.50	0.00	1.80	
197	Lương Thị Hương	Lan	20112159	27/07/2001	3.70	2.00	2.90	
198	Nguyễn Thị Bạch	Lan	22124100	29/03/2004	5.60	9.00	7.30	x
199	Lê Thị	Lài	19122095	20/11/2001	4.80	6.50	5.70	
200	Đàm Trần Thu	Lài	19128071	04/12/2001	5.40	5.00	5.20	x
201	Lê Văn	Lãng	14113090	20/01/1996	4.80	1.00	2.90	
202	Phạm Nhật	Lệ	21114035	03/01/2003	3.00	2.00	2.50	
203	Ngô Văn	Lem	19120096	09/10/2001	5.20	5.00	5.10	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
204	Nguyễn Thị Kim	Liên	18112097	14/04/2000	5.00	5.00	5.00	x
205	Chướng Mỹ	Linh	20112045	20/10/2001	6.70	8.50	7.60	x
206	Hà Thảo	Linh	22128086	03/08/2004	6.80	9.00	7.90	x
207	Hà Thị Khánh	Linh	21115037	02/09/2003	4.90	8.30	6.60	
208	Huỳnh Thị Bảo	Linh	21149035	12/10/2003	7.10	7.50	7.30	x
209	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	15124141	27/02/1997	4.50	1.00	2.80	
210	Lâm Thị Mỹ	Linh	21112116	27/03/2003	3.30	5.40	4.40	
211	Lê Thị Kim	Linh	20124359	05/08/2002	4.70	3.50	4.10	
212	Lê Thị Thùy	Linh	19123225	27/04/1999	3.80	0.00	1.90	
213	Nguyễn Công	Linh	20154159	03/06/2002	3.80	2.50	3.20	
214	Nguyễn Hoàng Thảo	Linh	22139044	11/02/2004	5.10	6.00	5.60	x
215	Nguyễn Thị Hoài	Linh	20124361	21/03/2002	5.00	2.50	3.80	
216	Nguyễn Thị Khánh	Linh	17612004	25/12/1993	6.20	5.00	5.60	x
217	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20124362	27/12/2002	7.40	3.50	5.50	
218	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	23122125	19/07/2005	7.60	6.00	6.80	x
219	Nguyễn Thị Trúc	Linh	21127027	01/05/2003	4.60	6.50	5.60	
220	Phạm Khánh	Linh	22139047	13/07/2004	7.50	6.00	6.80	x
221	Trần Phan Trúc	Linh	16131111	27/01/1998	4.40	6.00	5.20	
222	Trần Thị Ngọc	Linh	20155108	01/07/2002	3.40	1.50	2.50	
223	Võ Thị Ngọc	Linh	21122600	03/09/2003	8.20	7.50	7.90	x
224	Nguyễn Thành	Lộc	22126088	01/04/2004	4.80	5.00	4.90	
225	LÊ THỊ KIM	LOAN	23123048	04/03/2005	7.30	2.00	4.70	
226	Phạm Thị	Loan	19155046	13/12/2001	3.50	2.50	3.00	
227	Bùi Nguyễn Phú	Lợi	22126089	16/08/2004	7.80	5.50	6.70	x
228	Nguyễn Ngọc	Lợi	20124367	22/07/2002	8.30	8.40	8.40	x
229	Châu Hoàng	Long	21115168	24/02/2003	6.00	2.40	4.20	
230	Hồ Hoàng	Long	22153062	18/10/2004	5.10	6.50	5.80	x
231	Nguyễn Thành	Long	21138142	25/03/2003	5.80	9.00	7.40	x
232	Phạm Ngọc Huỳnh	Long	19112100	27/05/2001	6.30	5.00	5.70	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
233	Võ Phi	Long	22153063	10/09/2004	6.90	3.40	5.20	
234	Nguyễn Hà Công	Lương	22126093	01/08/2004	4.90	1.50	3.20	
235	Nguyễn Minh	Luân	20153097	21/10/2002	3.40	0.00	1.70	
236	Nguyễn Quí	Luân	21118300	01/12/2003	4.30	1.00	2.70	
237	Nguyễn Duy	Luật	21124404	17/06/2003	3.80	6.00	4.90	
238	NGUYỄN PHẠM MINH	LUẬT	23113067	15/02/2005	2.20	2.00	2.10	
239	Nguyễn Thành	Luật	22124113	25/02/2004	6.10	5.90	6.00	x
240	Mai Phương Thảo	Ly	20124373	13/12/2002	4.00	6.50	5.30	
241	Võ Thị Cẩm	Ly	22139052	24/09/2004	4.20	6.50	5.40	
242	Phan Thị	Lý	18155052	03/07/2000	2.70	0.00	1.40	
243	Trần Vĩnh Thiên	Lý	22113044	07/05/2004	4.20	0.00	2.10	
244	Ngô Minh	Mẫn	21118303	22/07/2003	4.30	5.00	4.70	
245	Nguyễn Minh	Mẫn	21122157	08/12/2003	3.40	1.00	2.20	
246	TĂNG GIA	MẪN	23129230	18/02/2005	3.80	0.00	1.90	
247	Võ Huệ	Mẫn	21112513	02/11/2003	6.70	7.00	6.90	x
248	Đặng Ngọc	Mai	20113275	20/01/2002	6.30	5.00	5.70	x
249	NGÔ THỊ XUÂN	MAI	23129226	30/09/2005	5.40	4.00	4.70	
250	Trần Ngọc	Mai	18112110	13/08/2000	5.10	8.00	6.60	x
251	Trịnh Nguyễn Xuân	Mai	21112783	01/12/2003	4.40	2.00	3.20	
252	Đỗ Thị Diễm	Mi	22113046	17/02/2004	6.10	1.50	3.80	
253	Mai Trần	Minh	19112345	26/06/2001	4.50	2.00	3.30	
254	Nguyễn Lê Bảo	Minh	21120427	21/08/2003	4.90	7.50	6.20	
255	Nguyễn Trương Quốc	Minh	21124412	26/09/2003	3.50	1.00	2.30	
256	Đoàn Hải	Minh	22115094	17/10/2004	3.00	1.90	2.50	
257	Hồ Thị Hoàng	My	22122198	07/09/2004	7.10	7.50	7.30	x
258	Nguyễn Thị Diễm	My	18155057	27/08/2000	4.00	0.00	2.00	
259	Nguyễn Thị Hà	My	20124378	13/06/2002	7.80	6.00	6.90	x
260	NGUYỄN THỊ THẢO	MY	23139047	04/10/2005	6.60	6.00	6.30	x
261	Nguyễn Thị Trà	My	20120216	26/02/2002	4.60	7.00	5.80	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
262	Đoàn Ngọc	My	20122391	24/03/2002	5.00	5.50	5.30	x
263	Phạm Diễm	My	22113047	29/09/2004	6.70	3.90	5.30	
264	Trần Thị Uyên	My	20128211	14/02/2002	3.40	5.00	4.20	
265	Lê Huyền Ái	Mỹ	21125214	24/05/2003	5.30	7.00	6.20	x
266	Đỗ Thị Thúy	Mỹ	21129768	19/10/2003	4.70	5.90	5.30	
267	Trần Thị	Mỹ	17123057	13/03/1998	7.40	7.00	7.20	x
268	Nguyễn Thị Lê	Na	20123901	10/08/1999	3.90	0.50	2.20	
269	Bùi Quốc	Đạt	22112047	26/06/2004	5.90	6.00	6.00	x
270	Cao Tấn	Đạt	20113021	24/04/2002	5.90	6.50	6.20	x
271	Huỳnh Tấn	Đạt	19120020	28/12/2001	3.70	0.00	1.90	
272	Lê Phước	Đạt	21113161	12/06/2003	7.90	7.00	7.50	x
273	Nguyễn Thành	Đạt	21122502	25/05/2003	7.00	3.40	5.20	
274	Nguyễn Trần Quân	Đạt	21129584	26/01/2003	6.00	5.00	5.50	x
275	Nông Tấn	Đạt	21112408	23/12/2003	4.00	6.50	5.30	
276	Trần Minh	Đạt	19137014	22/01/2001	5.90	3.40	4.70	
277	Võ Tiến	Đạt	22118034	07/04/2003	3.50	0.00	1.80	
278	Hứa Văn	Nam	19111078	17/02/2001	5.40	8.50	7.00	x
279	Phan Thành	Nam	21118315	28/10/2003	4.80	3.50	4.20	
280	Trần Duy Nhật	Nam	19118151	20/02/2001	2.90	1.00	2.00	
281	Trần Nguyễn Hải	Nam	22124126	09/12/2004	8.30	5.50	6.90	x
282	Châu Thị Hồng	Đào	20126205	21/02/2002	4.70	5.50	5.10	
283	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	23123013	24/11/2005	7.80	8.50	8.20	x
284	Nguyễn Kiều	Nga	20120220	09/06/2002	7.20	8.50	7.90	x
285	Trương Thị Quỳnh	Nga	21120438	21/01/2003	3.60	8.00	5.80	
286	Trương Thúy	Nga	20155119	11/10/2002	4.10	5.00	4.60	
287	Nguyễn Thanh	Ngân	21124134	13/12/2003	6.40	5.00	5.70	x
288	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18139105	27/09/2000	4.50	0.00	2.30	
289	Phạm Thị Kim	Ngân	20124109	13/05/2002	5.20	2.50	3.90	
290	Trần Kim	Ngân	19124174	22/09/2001	4.40	0.00	2.20	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
291	Trần Thị Kim	Ngân	22129169	20/10/2004	6.40	4.00	5.20	
292	Võ Trần Kim	Ngân	20139267	10/01/2002	6.20	9.00	7.60	x
293	Ngô Thị Mộng	Nghi	22113051	10/10/2004	4.20	0.00	2.10	
294	Nguyễn Thị Hồng	Nghi	19113103	05/07/2001	4.80	7.50	6.20	
295	Phan Nguyễn Huỳnh	Nghi	20155124	09/05/2001	6.20	5.50	5.90	x
296	TRẦN PHẠM BẢO	NGHI	23139053	07/11/2005	7.00	9.00	8.00	x
297	Trịnh Lê Thùy	Nghi	22129175	03/02/2004	5.40	2.00	3.70	
298	Võ Huỳnh Mẫn	Nghi	21149203	26/03/2003	4.00	2.40	3.20	
299	Nguyễn Trọng	Nghĩa	19138051	12/11/2001	3.70	0.00	1.90	
300	Phạm Nguyễn Hiếu	Nghĩa	22153070	25/09/2004	6.10	0.00	3.10	
301	Trương Thị	Nghĩa	20112292	08/10/2002	5.60	5.00	5.30	x
302	Nguyễn Ánh	Ngọc	21129801	04/07/2003	4.30	3.50	3.90	
303	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	22129183	02/11/2004	6.10	6.90	6.50	x
304	Trần Thị Ánh	Ngọc	19112123	08/09/2001	5.00	3.40	4.20	
305	Đào Nguyễn Trung	Nguyên	20118210	17/07/2002	5.30	5.00	5.20	x
306	Đào Thúy	Nguyên	22124145	15/12/2004	6.50	8.00	7.30	x
307	Nguyễn Văn	Nguyên	21155127	13/08/2003	5.30	6.00	5.70	x
308	Trần Gia	Nguyên	22122230	05/01/2004	6.90	5.00	6.00	x
309	Trần Nguyễn Trọng	Nguyên	22135080	03/01/2004	3.90	3.50	3.70	
310	Bùi Nguyễn Thu	Nguyệt	22122232	05/01/2004	8.00	7.50	7.80	x
311	Phạm Thị Như	Nguyệt	20112449	15/01/2002	4.00	1.00	2.50	
312	Phạm Thị Thu	Nguyệt	20124417	10/11/2002	3.20	3.40	3.30	
313	Trần Thị Minh	Nguyệt	21149210	16/04/2003	6.50	5.50	6.00	x
314	Bùi Anh	Nhân	21124150	02/10/2003	3.80	5.00	4.40	
315	Hà Quốc	Nhân	22118116	08/05/2004	3.20	1.50	2.40	
316	Mạc Trọng	Nhân	21123258	13/03/2003	5.20	5.90	5.60	x
317	Đặng Nghĩa	Nhân	19138052	07/11/2001	3.10	2.50	2.80	
318	Nguyễn Thanh	Nhân	20113299	24/01/2002	5.00	1.50	3.30	
319	Phan Thành	Nhân	22124148	14/02/2004	6.10	2.50	4.30	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
320	Võ Thiện	Nhân	22115043	25/11/2004	4.90	6.50	5.70	
321	Phan Quốc	Nhẩn	20116228	15/11/2002	5.30	3.50	4.40	
322	Trần Tấn	Nhất	20133002	15/07/2002	4.70	0.00	2.40	
323	Đoàn Lê Quang	Nhật	19138054	22/11/2001	3.80	0.00	1.90	
324	Phạm Minh	Nhật	18116052	03/08/2000	5.90	6.50	6.20	x
325	Phan Anh	Nhật	22124150	07/05/2004	7.50	2.50	5.00	
326	Nguyễn Thị Tú	Nhã	21123256	08/02/2003	3.70	1.40	2.60	
327	Lê Mỹ	Nhàn	21123257	26/11/2003	4.10	1.50	2.80	
328	Trần Thanh	Nhàng	22111083	22/05/2004	2.30	0.00	1.20	
329	Hoàng Thị Ái	Nhi	21128248	07/06/2003	6.00	4.00	5.00	
330	Lê Đoàn Bảo	Nhi	15120109	03/01/1997	6.10	8.50	7.30	x
331	Nguyễn Lương Thảo	Nhi	21126441	22/11/2003	7.40	6.00	6.70	x
332	Nguyễn Minh	Nhi	21122655	13/03/2003	4.40	2.50	3.50	
333	Nguyễn Phương Lan	Nhi	21126443	23/10/2003	7.30	9.00	8.20	x
334	Nguyễn Thị Linh	Nhi	22122248	03/08/2004	5.70	2.50	4.10	
335	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21139118	24/09/2003	7.40	9.50	8.50	x
336	Nguyễn Thị Yến	Nhi	22122251	01/10/2004	6.10	5.00	5.60	x
337	Nguyễn Thị Y	Nhi	21115183	07/09/2003	4.40	4.00	4.20	
338	PHẠM ĐỖ NGUYỆT	NHI	23112173	10/12/2005	6.30	9.00	7.70	x
339	PHẠM YẾN	NHI	23145069	15/10/2005	6.00	3.90	5.00	
340	Trần Thị Mỹ	Nhi	22129210	24/01/2004	7.40	3.50	5.50	
341	Trà Thị Phương	Nhi	22139072	16/09/2004	3.50	2.00	2.80	
342	Trương Lê Quyên	Nhi	22139076	15/02/2004	6.60	3.90	5.30	
343	Ngô Thị	Nhiên	16132352	26/09/1998	4.90	5.50	5.20	
344	Thạch Panh Nha	Nhiệne	19113117	29/08/2001	2.70	2.50	2.60	
345	Châu Ngọc Huỳnh	Như	22124153	08/06/2004	6.10	7.00	6.60	x
346	Lương Thị Yến	Như	21112574	27/07/2003	5.00	3.00	4.00	
347	Mai Huỳnh Tố	Như	20124432	06/10/2002	6.60	5.00	5.80	x
348	NGÔ PHƯỢNG QUỲNH	NHƯ	23122189	24/11/2005	7.50	9.50	8.50	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
349	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	22129218	28/09/2004	8.00	5.00	6.50	x
350	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	23115039	02/08/2005	3.60	0.50	2.10	
351	Nhâm Hải	Như	21139124	09/05/2003	6.50	2.50	4.50	
352	Tạ Thị Huỳnh	Như	21139125	17/03/2003	7.10	5.00	6.10	x
353	Trần Thị Huỳnh	Như	22145049	09/04/2004	3.60	0.00	1.80	
354	Vũ Thùy Yến	Như	21155132	16/06/2003	5.00	6.40	5.70	x
355	Dương Thị Hồng	Nhung	18124111	21/06/1999	7.70	4.00	5.90	
356	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	17125493	25/12/1999	7.70	9.50	8.60	x
357	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	23120128	15/03/2005	5.70	8.50	7.10	x
358	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21112581	06/10/2003	4.20	0.90	2.60	
359	Nguyễn Thị	Ninh	19125270	17/09/2001	4.00	0.50	2.30	
360	Danh Trương Trung	Đính	18145093	29/05/1999	7.40	3.50	5.50	
361	Nguyễn Thị Thục	Đoan	21155075	07/04/2003	3.80	0.90	2.40	
362	Nguyễn Võ Phương	Đông	22122052	20/08/2004	7.80	8.80	8.30	x
363	Võ Văn	Đợi	21120035	21/09/2003	5.90	5.00	5.50	x
364	Trần Thị Kim	Đĩnh	21112038	23/08/2003	5.10	7.50	6.30	x
365	Hồ Minh	Đức	22115010	10/08/2004	5.70	9.50	7.60	x
366	Nguyễn Văn	Đức	20154106	07/08/2002	4.40	1.00	2.70	
367	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	23122028	04/11/2005	6.40	5.00	5.70	x
368	Nguyễn Việt	Đức	19154029	08/10/2001	1.40	0.00	0.70	
369	Nguyễn Lê Tú	Oanh	21122668	11/03/2003	7.20	9.00	8.10	x
370	Nguyễn Thị Phương	Oanh	21155133	07/01/2003	4.40	5.50	5.00	
371	Phan Diệu	Oanh	22126137	29/05/2004	6.80	5.00	5.90	x
372	Kim Thành Song	Pha	21139396	18/11/2003	4.80	4.50	4.70	
373	Nguyễn Tấn	Phát	21122671	08/08/2003	6.60	2.50	4.60	
374	Nguyễn Thanh	Phát	21149231	28/09/2003	6.50	6.50	6.50	x
375	Triệu Trường	Phi	20124441	19/04/2002	5.00	2.50	3.80	
376	Trần Phi	Phố	20126337	23/08/2002	4.70	3.00	3.90	
377	Trần Đình	Phong	20126338	11/12/2002	6.10	5.90	6.00	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
378	Hoàng Thị	Phượng	21129871	16/10/2003	7.20	5.00	6.10	x
379	Lê Thị Hồng	Phượng	21128255	12/06/2003	5.00	1.50	3.30	
380	Nguyễn Minh	Phương	21118117	24/11/2003	2.70	2.50	2.60	
381	Nguyễn Nhật	Phương	20128246	09/12/2002	2.80	4.00	3.40	
382	Nguyễn Tri	Phương	20155132	17/06/2002	5.00	5.00	5.00	x
383	Phạm Thái Hoàng	Phương	22154093	29/04/2004	5.20	5.00	5.10	x
384	Thạch Vũ	Phương	22111090	05/12/2004	3.70	0.00	1.90	
385	Diệp Thị Kim	Phụng	22129225	29/02/2004	7.50	2.50	5.00	
386	Bùi Lê Vĩnh	Phú	20137104	01/04/2002	3.50	1.50	2.50	
387	Lương An	Phú	22123110	24/10/2004	6.70	8.00	7.40	x
388	Nguyễn Sỹ	Phú	19131036	15/11/2001	5.90	7.00	6.50	x
389	Nguyễn Trọng	Phú	20137105	01/03/2002	4.70	0.00	2.40	
390	Âu Huỳnh Hồng	Phúc	20113309	30/05/2002	4.90	1.00	3.00	
391	Kpă	Phúc	20125299	26/09/2001	2.70	0.00	1.40	
392	Lê Hoàng	Phúc	21126162	16/04/2003	5.30	6.50	5.90	x
393	Nguyễn Hồng	Phúc	19111090	09/09/2001	7.50	7.50	7.50	x
394	Nguyễn Lê Hồng	Phúc	22124165	27/06/2004	8.00	9.50	8.80	x
395	Nguyễn Ngọc	Phúc	22120140	19/11/2004	5.30	6.00	5.70	x
396	Đinh Văn	Phúc	20124446	09/12/2002	6.00	0.50	3.30	
397	Phạm Hoàng	Phúc	22124166	19/04/2004	6.50	8.50	7.50	x
398	PHAN TRỌNG	PHÚC	23145077	06/12/2005	6.70	10.00	8.40	x
399	Võ Tấn	Phúc	17426004	30/06/1995	6.80	5.00	5.90	x
400	Nguyễn Văn	Quân	22124174	15/02/2004	5.10	8.00	6.60	x
401	Nguyễn Minh	Quang	21124567	20/12/2003	4.80	5.50	5.20	
402	Nguyễn Tuấn	Quang	21154280	20/02/2003	4.90	5.00	5.00	
403	Lại Anh	Quế	19112151	16/02/2001	3.80	3.00	3.40	
404	Lưu Nhật	Qui	22124176	16/04/2004	8.40	7.00	7.70	x
405	Nguyễn Thanh	Quy	20122633	29/09/2002	5.40	7.00	6.20	x
406	Phạm Thị Mỹ	Quy	20113126	09/06/2002	8.60	9.00	8.80	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
407	Phạm Văn	Quyến	22122306	24/07/2004	7.20	5.50	6.40	x
408	Trần Thái	Quyền	21118361	17/02/2003	3.10	4.50	3.80	
409	Vòng Phi	Quyền	20138118	08/03/2002	4.00	6.50	5.30	
410	Kiều Thị Bảo	Quyên	20155136	26/06/2002	4.30	4.50	4.40	
411	Lê Thị Hoàng	Quyên	20145154	21/05/2002	6.60	5.50	6.10	x
412	Đặng Thị Bảo	Quyên	21126482	25/06/2003	2.60	1.50	2.10	
413	Nguyễn Lâm Như	Quyên	21124180	22/05/2003	2.80	2.40	2.60	
414	Đinh Thị Thuý	Quyên	20135024	28/07/2001	6.00	5.50	5.80	x
415	Tất Thị Mỹ	Quyên	22129239	14/05/2004	4.70	9.00	6.90	
416	HÀ NGỌC DIỄM	QUỲNH	23139081	12/11/2005	4.40	6.50	5.50	
417	Hà Nguyễn Như	Quỳnh	22125243	08/01/2004	5.60	2.90	4.30	
418	HOÀNG THỊ DIỄM	QUỲNH	23112221	03/10/2005	3.80	1.50	2.70	
419	Mai Ngọc Xuân	Quỳnh	22145058	18/08/2004	3.00	0.00	1.50	
420	Nguyễn Diệp Hương	Quỳnh	20113322	16/08/2002	7.20	7.50	7.40	x
421	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	23124188	03/06/2005	7.20	8.00	7.60	x
422	Đỗ Thị Trúc	Quỳnh	22129242	22/12/2004	4.30	5.50	4.90	
423	Vũ Như	Quỳnh	22122319	20/05/2004	5.60	4.00	4.80	
424	Hồ Văn Minh	Quý	21118355	18/08/2003	4.00	8.50	6.30	
425	Huỳnh Dương Phú	Quý	21124468	03/04/2003	4.20	4.50	4.40	
426	Lê Thị Kim	Quý	20127135	22/03/2002	4.50	3.90	4.20	
427	Hà	Siêu	17149132	04/12/1999	4.00	0.00	2.00	
428	Hồ Hữu	Sơn	22127022	21/11/2004	4.60	3.50	4.10	
429	Hoàng Văn	Sơn	17111122	12/05/1998	6.10	9.50	7.80	x
430	Nguyễn Đăng	Sơn	19126149	16/04/2001	5.00	6.00	5.50	x
431	Nguyễn Ngọc	Sơn	18124129	13/10/2000	4.30	5.50	4.90	
432	Nguyễn Thị Thúy	Sương	22112283	07/03/2004	3.50	1.00	2.30	
433	Trần Thị Thảo	Sương	19125527	16/08/2001	3.00	0.00	1.50	
434	Thành Nữ Mai	Sum	20122636	06/08/2002	5.00	7.50	6.30	x
435	Nguyễn Đình	Tâm	21154300	12/06/2003	3.90	1.00	2.50	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
436	Nguyễn Phan Minh	Tâm	22139100	20/09/2004	5.60	1.50	3.60	
437	Nguyễn Thanh	Tâm	22112290	14/06/2001	4.00	3.50	3.80	
438	Trần Hoàng	Tâm	22118144	19/07/2004	4.90	6.50	5.70	
439	Nguyễn Đăng	Tân	19137062	17/10/2001	4.00	2.00	3.00	
440	Vũ Duy	Tân	18111110	10/02/2000	2.90	0.00	1.50	
441	Hồ Duy Tấn	Tài	22113071	01/11/2004	6.60	7.50	7.10	x
442	Nguyễn Hữu	Tài	19127046	24/01/2001	4.40	2.50	3.50	
443	Đinh Công	Tài	21154293	04/02/2003	3.30	0.00	1.70	
444	Đinh Quốc	Tài	18522016	17/12/2000	5.50	5.50	5.50	x
445	Hoàng Thị	Thắm	21122700	28/03/2003	4.40	6.00	5.20	
446	Dương Trần	Thắng	18163031	11/02/1999	4.20	1.50	2.90	
447	Nguyễn Chiến	Thắng	22153101	30/04/2004	4.20	1.50	2.90	
448	Nguyễn Huỳnh Quốc	Thắng	21118374	26/11/2003	5.30	5.90	5.60	x
449	Nguyễn Đình	Thắng	17154090	02/10/1999	5.80	5.50	5.70	x
450	Lê Đức Liêm	Thanh	22145071	30/04/2004	7.50	9.50	8.50	x
451	Lê Thế	Thanh	21118376	30/09/2003	3.30	4.00	3.70	
452	Nguyễn Thị	Thanh	21117099	03/10/2003	3.00	0.00	1.50	
453	Phạm Trương Phương	Thanh	15112152	14/02/1997	5.40	7.50	6.50	x
454	Phạm Đức	Thao	20138129	24/12/2002	4.30	3.00	3.70	
455	Mai Đức	Thành	21114044	28/10/2003	3.60	0.50	2.10	
456	Nguyễn Xuân	Thành	22155103	21/01/2004	6.50	6.00	6.30	x
457	Lại Văn	Thái	21111342	11/04/2002	5.10	7.90	6.50	x
458	Nguyễn Lê Nhật	Thái	22145067	10/10/2004	6.70	8.50	7.60	x
459	Nguyễn Quốc	Thái	20128262	02/05/2002	8.10	9.00	8.60	x
460	Lê Thị Thu	Thảo	22120170	28/04/2004	4.10	0.00	2.10	
461	Nguyễn Diệp	Thảo	21122708	02/10/2002	5.80	5.00	5.40	x
462	Nguyễn Thị	Thảo	21112637	05/11/2003	4.00	5.90	5.00	
463	Nguyễn Thị Như	Thảo	17139130	23/04/1999	4.90	6.00	5.50	
464	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	23112242	09/10/2005	6.60	5.90	6.30	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
465	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22123129	29/08/2004	6.50	6.00	6.30	x
466	Đinh Thị Phương	Thảo	20128264	18/10/2002	2.90	1.00	2.00	
467	Phan Thị Thu	Thảo	22155106	29/11/2004	5.70	5.30	5.50	x
468	Trần Thanh	Thảo	17149146	03/07/1999	6.40	1.00	3.70	
469	Nguyễn Thị Kim	Thi	20128270	07/09/2002	4.60	3.00	3.80	
470	Phan Ngọc	Thi	22135112	09/12/2004	8.10	7.50	7.80	x
471	Phùng Thị Yến	Thi	21123119	24/07/2003	6.90	8.00	7.50	x
472	Nguyễn Thanh	Thiện	20154221	13/09/2002	3.60	4.50	4.10	
473	Trần Anh	Thiện	22115065	24/02/2004	3.50	0.50	2.00	
474	Cao Nguyễn Việt	Thư	20125704	25/04/2002	4.90	0.00	2.50	
475	Huỳnh Bùi Anh	Thư	20128276	16/07/2002	4.10	0.00	2.10	
476	Lương Anh	Thư	21122317	16/08/2003	5.60	8.00	6.80	x
477	Đặng Bảo	Thư	20124489	29/10/2002	8.10	10.00	9.10	x
478	Nguyễn Hồ Anh	Thư	22115069	10/04/2004	6.10	3.50	4.80	
479	Nguyễn Thị Anh	Thư	20139333	16/11/2002	4.20	3.00	3.60	
480	Đỗ Trần Anh	Thư	21124501	05/12/2003	5.60	6.00	5.80	x
481	Phạm Hoàng Anh	Thư	21112662	28/06/2003	3.70	0.00	1.90	
482	Trần Thị Minh	Thư	22124204	31/05/2004	8.20	7.50	7.90	x
483	Võ Nguyễn Minh	Thư	22111116	10/11/2004	4.40	1.50	3.00	
484	Nguyễn Đinh	Thoa	21124499	07/08/2003	3.90	5.00	4.50	
485	Huỳnh Minh	Thông	20154062	19/07/2002	6.70	3.50	5.10	
486	Vũ Đức	Thọ	22153110	19/10/2004	5.40	7.00	6.20	x
487	Hồ Trung	Thịnh	21112648	13/10/2003	4.30	1.50	2.90	
488	Nguyễn Trường	Thịnh	21112649	16/04/2003	4.40	4.00	4.20	
489	Từ Thanh	Thịnh	21139441	23/01/2003	2.30	0.00	1.20	
490	Châu Thừa	Thừa	17117095	11/06/1998	2.70	0.00	1.40	
491	Lâm Trần Hoài	Thương	22129293	10/06/2004	4.60	5.00	4.80	
492	Lê Thị Hoài	Thương	21123280	07/08/2003	4.20	3.50	3.90	
493	Nguyễn Thị Thương	Thương	20127147	12/09/2002	4.10	6.00	5.10	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
494	Trương Công	Thức	20125721	03/10/2002	5.70	0.00	2.90	
495	Trần Phạm Như	Thuần	20112371	21/09/2002	4.50	7.00	5.80	
496	Dương Tuấn	Thuận	21118382	04/07/2003	6.70	6.40	6.60	x
497	Nguyễn Thị Phương	Thùy	22124208	17/03/2004	7.70	9.90	8.80	x
498	Hồ Thị Hồng	Thúy	19117085	10/02/2001	4.20	2.00	3.10	
499	Nguyễn Thị	Thúy	22123146	11/08/2004	4.60	5.50	5.10	
500	Nguyễn Thị Bích	Thủy	18126173	19/09/2000	4.20	6.00	5.10	
501	Nguyễn Cẩm	Thuý	21122331	12/07/2003	5.20	2.50	3.90	
502	Hứa Triệu Minh	Thy	22122518	29/01/2004	4.80	0.00	2.40	
503	Nguyễn Anh	Thy	19111120	25/01/2001	6.80	5.00	5.90	x
504	Nguyễn Trang Minh	Thy	20122530	29/12/2002	2.90	0.00	1.50	
505	Trần Ngọc	Thy	22112341	01/01/2004	7.10	2.00	4.60	
506	Đỗ Nguyễn Công	Tiến	22129309	18/05/2004	7.20	5.50	6.40	x
507	Tằng Văn	Tiến	21115226	23/12/2003	3.50	0.00	1.80	
508	Thái Thành	Tiến	20111113	18/05/2001	6.40	5.00	5.70	x
509	Trần Anh	Tiến	22124215	13/08/2004	6.20	5.00	5.60	x
510	Trần Quốc	Tiến	21122755	21/07/2003	4.70	5.00	4.90	
511	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tiên	19126183	18/02/2001	6.80	5.00	5.90	x
512	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	20113351	09/04/2002	4.60	2.50	3.60	
513	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	22124210	26/06/2004	7.90	5.00	6.50	x
514	Phạm Cẩm	Tiên	21124513	11/08/2003	3.70	0.00	1.90	
515	Tô Thị Mỹ	Tiên	20127148	05/11/2002	5.40	6.00	5.70	x
516	Trần Phạm Thủy	Tiên	21111369	26/12/2003	8.40	9.50	9.00	x
517	Vũ Thị Cẩm	Tiên	22124211	02/03/2004	7.60	5.50	6.60	x
518	Lê Trung	Tín	22116096	30/11/2004	7.30	0.00	3.70	
519	Phạm Trung	Tín	22153115	30/03/2004	6.10	4.00	5.10	
520	Hồ Trọng	Tính	21111371	20/11/2003	6.80	7.50	7.20	x
521	Võ Trung	Tính	20120112	25/08/2002	3.80	8.00	5.90	
522	Nông Văn	Tình	17112224	04/03/1998	3.80	1.50	2.70	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
523	Nguyễn Thiện	Toàn	20112379	11/03/2002	3.50	2.00	2.80	
524	Đinh Quốc	Toàn	17126184	16/05/1999	5.50	7.50	6.50	x
525	Trần Trọng	Toàn	17118119	24/10/1999	2.90	1.00	2.00	
526	Lê Thanh	Tòng	22116099	05/05/2004	5.10	1.50	3.30	
527	Lê Hoàng Bảo	Trâm	20124512	29/10/2002	5.60	7.00	6.30	x
528	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	23128181	29/03/2005	6.30	8.50	7.40	x
529	Nguyễn Quỳnh	Trâm	21120548	16/08/2003	4.20	1.50	2.90	
530	Trần Thị Mai	Trâm	19125397	29/07/2001	3.80	0.50	2.20	
531	Lê Võ Tuyết	Trân	22126187	17/09/2004	7.50	7.00	7.30	x
532	Mai Bảo	Trân	19124295	17/04/2001	5.10	9.40	7.30	x
533	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	17128401	16/02/1999	6.40	5.50	6.00	x
534	Nguyễn Ngọc Quế	Trân	21112682	15/04/2003	2.30	0.00	1.20	
535	Trần Quế	Trân	22145085	18/04/2004	7.00	8.50	7.80	x
536	Huỳnh Ngọc	Trang	20122548	28/09/2002	4.10	1.40	2.80	
537	La Thị Huyền	Trang	19155102	04/03/2001	3.30	0.00	1.70	
538	Lâm Thị Yến	Trang	21155162	26/09/2003	4.10	1.00	2.60	
539	NGUYỄN LÊ THANH	TRANG	23112274	19/01/2005	4.70	8.00	6.40	
540	Nguyễn Thị Kim	Trang	21124527	14/12/2003	6.40	9.00	7.70	x
541	Đinh Thái Thùy	Trang	17112404	03/01/1998	5.60	6.00	5.80	x
542	Phạm Thị Huyền	Trang	22124227	04/07/2004	6.00	5.30	5.70	x
543	Phạm Thị Thùy	Trang	20120319	20/07/2002	7.30	8.00	7.70	x
544	Trần Quỳnh	Trang	21123292	28/11/2003	4.40	7.00	5.70	
545	Trần Thị Thiên	Trang	19118251	05/04/2001	5.30	6.00	5.70	x
546	Trương Hoàng Huyền	Trang	22124229	24/06/2004	4.80	4.50	4.70	
547	Lê Thị Thanh	Trà	21112678	30/09/2003	3.00	0.00	1.50	
548	Lưu Thị	Trà	17127079	28/12/1999	4.60	6.00	5.30	
549	Trần Nguyễn Thị Mỹ	Trà	21123133	28/01/2003	3.70	1.50	2.60	
550	Lai Trường	Trí	20139355	10/01/2002	6.00	9.00	7.50	x
551	Lê Minh	Trí	21139473	05/03/2003	7.40	7.50	7.50	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
552	Trần	Trí	21138195	11/03/2003	5.30	5.00	5.20	x
553	Châu Minh	Triết	22124232	10/12/2004	7.20	10.00	8.60	x
554	LÊ THANH	TRIỀU	23129495	25/11/2005	6.80	8.00	7.40	x
555	Lê Thị Thủy	Triều	20139357	10/06/2001	6.00	2.00	4.00	
556	Hồ Thị Việt	Trinh	22157058	30/09/2004	2.40	0.00	1.20	
557	Nguyễn Kiều	Trinh	21111381	10/08/2003	4.00	2.50	3.30	
558	Nguyễn Trần Ngọc	Trinh	20155162	08/03/2002	4.20	0.40	2.30	
559	Phạm Uyên	Trinh	20122559	22/11/2002	2.50	0.00	1.30	
560	NGUYỄN HỮU	TRỌNG	23129499	15/02/2005	5.70	4.00	4.90	
561	Trần Quang	Trọng	22138106	18/01/2004	4.70	1.00	2.90	
562	Nguyễn Minh Nhật	Trường	19126209	02/03/2001	5.20	5.50	5.40	x
563	Nguyễn Đan	Trường	21122793	11/06/2003	4.70	2.50	3.60	
564	Nguyễn Nhựt	Trường	22127034	30/09/2004	5.60	4.00	4.80	
565	Phạm Anh	Trường	21111393	15/06/2003	3.90	2.00	3.00	
566	Trần Nhựt	Trường	19112211	27/11/2001	5.20	7.00	6.10	x
567	TRẦN VĂN	TRƯỜNG	23145102	27/02/2005	4.90	7.40	6.20	
568	Võ Minh	Trường	18112241	19/03/2000	4.20	0.00	2.10	
569	Đặng Minh	Trung	21117124	27/07/2003	3.40	1.00	2.20	
570	Nguyễn Huỳnh Quốc	Trung	22124235	06/04/2004	6.50	6.50	6.50	x
571	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	19123171	02/06/2001	5.00	1.00	3.00	
572	Nguyễn Vũ Thiên	Trúc	20115154	08/11/2002	7.20	6.00	6.60	x
573	Đỗ Thị Thanh	Trúc	22124233	27/01/2004	8.00	3.50	5.80	
574	Thái Thị Bạch	Trúc	22112377	19/09/2004	4.20	5.00	4.60	
575	Đặng	Tuấn	19120236	13/01/2001	4.10	0.00	2.10	
576	Nguyễn Bảo	Tuấn	22112386	06/11/2003	7.00	7.00	7.00	x
577	Nguyễn Đức	Tuấn	20120330	10/10/2002	4.20	1.90	3.10	
578	Trần Nhật	Tuấn	20154240	30/06/2002	4.90	8.50	6.70	
579	Trần Thái	Tuấn	21112781	18/02/2003	4.20	2.50	3.40	
580	Trương Quang	Tuấn	20154241	31/03/2002	4.10	0.40	2.30	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
581	Võ Thái	Tuấn	20126402	04/10/2002	8.40	5.50	7.00	x
582	Nguyễn Thanh	Tùng	21111397	17/10/2003	3.10	0.50	1.80	
583	Nguyễn Thanh	Tùng	21111396	15/09/1998	3.60	9.00	6.30	
584	Nguyễn Thanh	Tùng	20153136	12/07/2002	6.40	5.00	5.70	x
585	Nguyễn Thanh	Tùng	21118414	01/09/2003	3.50	1.00	2.30	
586	Trần Lâm	Tùng	19154185	11/09/2001	4.70	0.00	2.40	
587	Trần Thanh	Tùng	22129345	17/07/2004	8.00	1.90	5.00	
588	Lê Trần Minh	Tú	19113174	26/05/2001	4.80	5.00	4.90	
589	Trần Nhã	Tú	20111323	11/02/2002	4.20	0.00	2.10	
590	Văn Cẩm	Tú	22145088	27/01/2004	6.50	6.50	6.50	x
591	Lê Hoàng	Tuyến	21124540	28/02/2003	5.00	9.00	7.00	x
592	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	20117137	28/10/2002	6.20	9.00	7.60	x
593	Phạm Thị Thanh	Tuyền	22122443	23/06/2004	4.60	0.90	2.80	
594	Võ Nguyễn Khánh	Tuyền	22116105	31/03/2004	7.70	7.00	7.40	x
595	Nguyễn Ngọc	Tuyết	21125478	21/05/2003	4.70	3.50	4.10	
596	Trần Thị Ánh	Tuyết	20113180	21/12/2002	4.00	1.50	2.80	
597	Trần Lương	Tý	22154138	03/03/2004	7.80	8.00	7.90	x
598	Phan Thành	Tỷ	20128307	17/11/2001	7.20	4.00	5.60	
599	Phạm Nhất	Uy	20153042	27/10/2002	4.70	0.00	2.40	
600	Dương Thị Hoàng	Uyên	20125793	12/09/2001	5.30	2.00	3.70	
601	Nguyễn Lê Tú	Uyên	21122804	06/06/2003	7.90	7.40	7.70	x
602	Nguyễn Trần Lan	Uyên	21124544	21/10/2003	7.60	7.50	7.60	x
603	Nguyễn Thị Hải	Vân	21112710	29/04/2003	6.00	6.40	6.20	x
604	Lâm Thị Tường	Vi	20124549	23/05/2002	7.20	6.00	6.60	x
605	Nguyễn Thái	Vi	20118286	27/12/2002	4.40	3.00	3.70	
606	Nguyễn Thị Thùy	Vi	22128237	27/09/2004	7.40	6.50	7.00	x
607	Nguyển Vũ Tường	Vi	19123267	29/07/2000	5.40	6.00	5.70	x
608	Dương Thế	Vinh	19154192	02/11/2001	3.10	1.50	2.30	
609	Ngô Vĩnh Thanh	Vinh	20124552	27/11/2002	8.10	7.30	7.70	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
610	Nguyễn Văn	Vinh	20116291	10/03/2002	5.50	8.50	7.00	x
611	Phạm Minh	Vĩ	22154139	27/11/2004	7.00	9.50	8.30	x
612	Trần Tấn	Võ	21115106	23/12/2003	2.00	2.90	2.50	
613	Đào Duy Phong	Vương	19115145	29/01/2001	3.20	0.00	1.60	
614	Huỳnh Anh	Vũ	18124193	02/04/2000	3.00	0.00	1.50	
615	Ngô Thanh	Vũ	21120597	24/06/2003	5.50	5.90	5.70	x
616	Phan Anh	Vũ	22113097	29/05/2004	6.60	7.90	7.30	x
617	Phan Văn	Vũ	22115088	31/05/2004	4.70	3.00	3.90	
618	Trần Quốc	Vũ	21118431	23/03/2003	3.60	6.50	5.10	
619	Lê Huyền	Vy	22163026	09/11/2004	5.40	3.00	4.20	
620	Lê Thái Tường	Vy	22164022	16/09/2004	4.40	6.40	5.40	
621	NGUYỄN HẠ	VY	23122337	11/07/2005	5.40	2.50	4.00	
622	Nguyễn Thị Phương	Vy	21111413	19/12/2003	2.40	0.00	1.20	
623	Nguyễn Thị Thúy	Vy	21123306	22/02/2003	4.30	3.00	3.70	
624	Nguyễn Tường	Vy	20128324	26/03/2002	4.30	1.00	2.70	
625	NGUYỄN VÕ TƯỜNG	VY	23112311	29/03/2005	7.00	8.00	7.50	x
626	Đoàn Phạm Thúy	Vy	19120252	13/10/2001	5.80	2.50	4.20	
627	Tô Hồng Thanh	Vy	21139215	25/04/2003	6.10	8.00	7.10	x
628	Tô Tuyết	Vy	20122605	11/06/2002	4.70	1.50	3.10	
629	Trần Thị Ngọc	Vy	22157066	16/11/2004	2.30	0.00	1.20	
630	TRẦN THỊ THUÝ	VY	23122344	07/08/2005	8.70	10.00	9.40	x
631	Trịnh Bảo	Vy	20123243	30/04/2002	4.60	8.00	6.30	
632	Trịnh Bảo	Vy	18132036	11/07/2000	5.60	7.50	6.60	x
633	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	21120606	16/01/2003	4.40	0.00	2.20	
634	Danh Thị Mỹ	Xuyên	22129369	28/08/2004	2.30	0.00	1.20	
635	Hồ Thị Hải	Yến	21122828	17/02/2003	7.20	8.00	7.60	x
636	Lê Thị Hoàng	Yến	20124565	08/04/2002	3.80	1.00	2.40	
637	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	21115250	18/07/2003	3.60	0.00	1.80	
638	Tạ Trần Bảo	Yến	22157069	10/12/2004	1.60	0.00	0.80	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 10 năm 2024

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
639	PHẠM THỊ NHƯ Ý	23124289	17/07/2005	3.60	0.00	1.80	

TRUNG TÂM TIN HỌC